

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của
Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển
công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 23-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, cụ thể như sau:

I- TÌNH HÌNH CHUNG

Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển công nghiệp, trong những năm qua, tỉnh Hà Giang đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cơ cấu lại và phát triển các ngành công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, trong đó tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông, lâm sản gắn với xây dựng vùng nguyên liệu; tăng cường quản lý việc cấp phép khai thác và chế biến khoáng sản đảm bảo quy định, hạn chế tối đa tác động ô nhiễm môi trường; không triển khai mới các dự án khai thác khoáng sản, thủy điện khi chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định; kịp thời rà soát tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực thủy điện, khoáng sản; tăng cường kiểm tra công tác an toàn hồ, đập. Tập trung hoàn chỉnh kết cấu khu công nghiệp Bình Vàng, huy động xã hội hóa đầu tư các cụm công nghiệp đã có quy hoạch, thu hút đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp. Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp tăng trưởng và phát triển khá. Tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm (GRDP) của tỉnh tính từ năm 2018 đến năm 2023 trung bình đạt 15,26% trong đó tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP chiếm 2,54%. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp trung bình đạt 6,7% trong đó tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 19,66%.

Tuy nhiên, công nghiệp phát triển nhưng chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP còn thấp; doanh nghiệp công nghiệp số lượng ít, quy mô nhỏ và rất nhỏ, trình độ nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ, tổ chức sản xuất còn hạn chế; chế biến nông sản chủ yếu là sơ chế hoặc chế biến một phần nên giá trị thương mại tăng không cao. Thu hút đầu tư xây dựng, kinh

doanh tại các khu, cụm công nghiệp hiệu quả chưa cao; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chưa hoàn chỉnh, một số cụm công nghiệp chưa được triển khai đầu tư.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế: Tỉnh Hà Giang không có cảng biển, không có đường sắt, xa các trung tâm kinh tế lớn. Các chính sách khuyến khích, hỗ trợ chưa đầy đủ, kịp thời để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong ngành chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến khoáng sản; thiếu quỹ đất sạch để thu hút, phát triển các cơ sở công nghiệp.

II- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về quan điểm, mục tiêu và định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 23-NQ/TW; tạo sự đồng thuận trong xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Cụ thể hóa mục tiêu, định hướng xây dựng chính sách công nghiệp quốc gia theo Nghị quyết số 23-NQ/TW phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh để triển khai kịp thời, đảm bảo tính khả thi; đồng thời xác định các nội dung trọng tâm cần tập trung chỉ đạo, bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu của Nghị quyết về chính sách phát triển công nghiệp quốc gia.

3. Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW phải gắn với tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, chỉ đạo của Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; đề cao tính chủ động, sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả trong thực hiện; thường xuyên cập nhật, bổ sung những chủ trương, chính sách mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh theo hướng hiện đại, bền vững; nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế; đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 cùng với cả nước, tỉnh Hà Giang hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản có nền công nghiệp theo hướng hiện đại, có tính cạnh tranh cao, một số sản phẩm công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 3,23%.
- Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 10,08%.
- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân 9,79%/năm.

- Tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 29,6%/năm.
- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đạt trên 40%.
- Xây dựng một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp của tỉnh trong các lĩnh vực chế biến khoáng sản, chế biến nông lâm sản có quy mô hợp lý.

IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách phân bố không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.

Triển khai Phương án phát triển công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; phát huy lợi thế cạnh tranh, các thế mạnh của tỉnh và từng vùng, từng địa phương; thúc đẩy dịch chuyển các ngành công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên và lao động, tác động xấu đến môi trường sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

Phát triển công nghiệp theo hướng chuyển dịch từ tăng trưởng chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu; phát triển công nghiệp sạch; nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Đẩy nhanh tích hợp công nghệ thông tin và tự động hóa trong sản xuất công nghiệp nhằm tạo ra các quy trình sản xuất tiên tiến. Tiếp tục tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các cụm liên kết công nghiệp.

2. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, gắn với vùng nguyên liệu và có lợi thế cạnh tranh của tỉnh

2.1. Tiếp tục phát triển ngành công nghiệp thế mạnh của tỉnh

Ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp chế biến hiện đại, nhà máy chế biến quy mô lớn ở các vùng nguyên liệu tập trung chất lượng cao. Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp chế biến chè, gỗ, cây dược liệu và các sản phẩm chăn nuôi khác... đi vào chiều sâu, sử dụng công nghệ tiên tiến gắn với thương hiệu sản phẩm đặc trưng của tỉnh; đa dạng hoá sản phẩm, chú trọng tăng nhanh tỷ trọng những sản phẩm giá trị gia tăng cao và sản phẩm mới. Ưu tiên kêu gọi các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển các nhà máy chế biến cam... với công nghệ tiên tiến, hiện đại tại các huyện Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình theo hướng đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

2.2. Giai đoạn đến 2030, tập trung phát triển một số ngành công nghiệp

- Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản: Khai thác khoáng sản theo hướng tập trung, bền vững nhằm cung cấp nguyên liệu tại chỗ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu theo hướng chế biến sâu. Thu hút khuyến khích nhà đầu tư thăm

dò, điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng và khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản; xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp khoáng sản dài hạn. Khuyến khích áp dụng công nghệ trong khai thác, chế biến sử dụng triệt để tài nguyên, kiểm soát được ô nhiễm môi trường.

- Công nghiệp sản xuất điện (thủy điện, điện gió, điện mặt trời...): Tập trung thu hút đầu tư, xây dựng, khai thác có hiệu quả các dự án thủy điện đã quy hoạch (không tác động đến rừng tự nhiên); khuyến khích đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời, năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương.

- Tiếp tục, đầu tư hoàn thiện, nâng cấp hạ tầng các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch tỉnh để thu hút đầu tư.

2.3. Giai đoạn 2030 - 2045: Tập trung ưu tiên phát triển thế hệ mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông, phổ cập công nghiệp kỹ thuật số, tự động hóa, thiết bị cao cấp, vật liệu mới, công nghệ sinh học:

Phát triển công nghiệp theo cơ chế thị trường, tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và các quy định của pháp luật. Tập trung đầu tư các ngành công nghiệp thế mạnh và ưu tiên của tỉnh, tránh đầu tư dàn trải.

3. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi phát triển công nghiệp

3.1. Thực hiện tốt cơ chế đặc thù và đẩy mạnh ứng dụng hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp có giá trị gia tăng cao, các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghệ sạch, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ. Thực hiện chính sách tín dụng cho vay sản xuất, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp, cho vay trên cơ sở hiệu quả của dự án đầu tư. Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng đối với các doanh nghiệp công nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, xóa bỏ triệt để rào cản, bất bình đẳng trong tiếp cận tài chính, tín dụng của doanh nghiệp công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

3.2. Đẩy nhanh việc thực hiện cơ chế giá thị trường theo lộ trình đối với các hàng hóa thiết yếu thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương; thực thi nghiêm ngặt hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn trong ngành công nghiệp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng. Hướng dẫn và có biện pháp hỗ trợ phù hợp để các doanh nghiệp công nghiệp tham gia có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại, xây dựng và thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại đối với sản phẩm công nghiệp.

3.3. Thực hiện việc miễn, giảm thuế đối với các ngành công nghiệp ưu tiên theo chính sách của Trung ương; triệt để chống chuyển giá, chống trốn thuế theo quy định.

3.4. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

3.5. Tạo bước đột phá tạo lập môi trường khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, nhất là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Triển khai đồng bộ và quyết liệt các đề án, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh. Kịp thời hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp trong công nghiệp từ quỹ hỗ trợ khởi nghiệp và nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

3.6. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực nhằm đơn giản hóa quy trình và thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tham gia giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI); Triển khai có hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số của tỉnh Hà Giang.

4. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp

4.1. Đẩy nhanh việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp theo Nghị quyết số 12-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; hỗ trợ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trên lĩnh vực công nghiệp thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đóng trên địa bàn hoạt động có hiệu quả, nâng cao năng suất lao động, chất lượng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4.2. Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp tư nhân trong tỉnh thực sự trở thành một trong những động lực quan trọng trong phát triển công nghiệp của tỉnh; chú trọng xây dựng và triển khai các chính sách nâng cao năng lực quản trị cho các doanh nghiệp công nghiệp. Có chính sách khuyến khích và tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hiệu quả, có thương hiệu, thế mạnh và các sản phẩm đặc trưng của Hà Giang thành các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực công nghiệp.

4.3. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp hỗ trợ thuộc mọi thành phần kinh tế; thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp nằm trong hệ thống các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp của cả nước. Thực hiện lựa chọn phát triển công nghiệp hỗ trợ theo tiêu chí được nhà nước quy định phù hợp với điều kiện của tỉnh, tập trung vào các khâu còn yếu của chuỗi giá trị sản phẩm hoặc công đoạn quyết định đến chất lượng, giá trị sản phẩm. Hỗ trợ phát triển các nhà cung ứng trong các ngành công nghiệp ưu tiên, coi đây là cốt lõi của chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ.

4.4. Đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) về công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến; thực hiện thu hút FDI theo hướng chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm. Lựa chọn, khuyến khích các dự án FDI vào các ngành công

nghiệp đến năm 2030 theo hướng: Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”; sử dụng nguyên liệu, phụ kiện sản xuất trong tỉnh và trong nước, có tỷ lệ chi cho nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ trong tỉnh cao; có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo lại, sử dụng nhân lực tại chỗ; ưu tiên hình thức liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp trong nước, trong tỉnh; ưu tiên các công ty đa quốc gia có thương hiệu quốc tế và có năng lực cạnh tranh cùng các doanh nghiệp nước ngoài, tham gia vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

4.5. Quản lý chặt chẽ về chế độ báo cáo thông tin của các doanh nghiệp FDI; nghiên cứu, xây dựng, đề xuất với Chính phủ một số dự án công nghiệp quan trọng để đưa vào danh mục dự án đầu tư công nghiệp quốc gia và triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư để thu hút FDI có chất lượng cao gắn với thực hiện các mô hình mới thu hút FDI trong lĩnh vực công nghiệp.

4.6. Thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ, tuyên truyền và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm doanh nghiệp, nhất là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện để chấn chỉnh, xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh như điều kiện kinh doanh, các quy định về lao động, tiền lương, kê khai thuế, nộp thuế, về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ...; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ quan tư pháp trong việc giải quyết các tranh chấp về kinh tế, thương mại, dân sự... tạo môi trường lành mạnh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

5. Nâng cao chất lượng, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp

5.1. Nghiên cứu thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nhân lực công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

5.2. Rà soát, đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nhằm tạo nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng làm chủ và tiếp cận các công nghệ mới; tăng cường công tác kiểm định chất lượng đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo. Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đào tạo hợp tác, liên kết và hỗ trợ nhau trong đào tạo, nâng cao trình độ nguồn nhân lực để tạo ra nguồn nhân lực có tay nghề cao nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp, góp phần thu hút đầu tư, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp sơ chế, chế biến nông sản, công nghiệp năng lượng...; khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực công nghiệp chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động công nghiệp.

5.3. Phát triển đồng bộ, lưu thông thị trường lao động công nghiệp về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề. Thực hiện cơ chế, chính sách để định hướng dịch chuyển lao động, nhất là lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp. Huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi cho cán bộ có trình độ kỹ thuật cao và công nhân tại các khu, cụm công nghiệp. Có chính sách thu hút, sử dụng nhân tài có trình độ kỹ thuật, chuyên môn cao, có năng lực đổi mới, sáng tạo.

5.4. Tăng cường xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân công nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ doanh nhân có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh và có tinh thần trách nhiệm với quốc gia, dân tộc.

5.5. Chú trọng xây dựng đội ngũ công nhân có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

5.6. Chú trọng công tác đào tạo nghề, truyền nghề gắn kết giữa các cơ sở dạy nghề với các doanh nghiệp sử dụng lao động, đặc biệt là các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp để cung ứng lực lượng lao động qua đào tạo; hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị, điều hành doanh nghiệp, cơ hội kinh doanh, tiếp cận thị trường nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; khảo sát dự báo nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp làm căn cứ để các cơ sở đào tạo chủ động lập kế hoạch đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu; doanh nghiệp tạo điều kiện, chủ động liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp với lĩnh vực hoạt động.

6. Thực hiện tốt chính sách về phát triển khoa học công nghệ, phát triển công nghiệp công nghệ cao

6.1. Phát triển mạnh mẽ tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, nhất là hạ tầng kết nối số bảo đảm an toàn, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu kết nối Internet thông suốt; khuyến khích xây dựng các trung tâm dữ liệu, đẩy mạnh phát triển khoa học phân tích, quản lý và xử lý dữ liệu. Tạo mọi điều kiện cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng, bình đẳng, thuận lợi trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung số, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

6.2. Triển khai và đẩy nhanh việc thực hiện Đề án ứng dụng khoa học trong quá trình tái cơ cấu ngành công thương giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Đổi mới và phát triển mạnh mẽ thị trường khoa học công nghệ. Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các cơ sở đào tạo- công nghệ vào sản xuất kinh doanh; xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng là trung tâm

trong phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ; tập trung nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp.

Hỗ trợ xây dựng và phát triển các doanh nghiệp khoa học, công nghệ trong công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp ưu tiên; khuyến khích các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ trong các lĩnh vực, ngành công nghiệp chủ lực, ưu tiên trên địa bàn tỉnh.

6.3. Tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Khuyến khích và phát triển mạnh mẽ việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận độc quyền đối với các sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh; triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, truy xuất nguồn gốc của sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

6.4. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học, công nghệ, hình thành dữ liệu về công nghệ, chuyển giao công nghệ của tỉnh trong cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghệ, chuyển giao công nghệ. Phát triển dịch vụ tư vấn, thẩm định, môi giới, định giá sản phẩm khoa học và công nghệ; thúc đẩy hợp tác, chuyển giao công nghệ giữa công nghiệp quốc phòng, an ninh và công nghiệp dân sinh.

6.5. Kiểm soát chặt chẽ công nghệ đối với các ngành công nghiệp trên nguyên tắc kết hợp giữa tranh thủ công nghệ tiên tiến, lợi thế của nước đi sau, đi tắt đón đầu với cách tiếp cận tiên tiến nhằm tận dụng tối đa lợi thế của thời kỳ cơ cấu “dân số vàng” và khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ công nghiệp, bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

6.6. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hình thành quỹ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ để đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ. Áp dụng chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn lực phù hợp nhằm khuyến khích nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ.

6.7. Phát triển sản phẩm công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo

- Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư máy móc công nghệ hiện đại để gia tăng giá trị trong lĩnh vực chế biến từ nguồn kinh phí khuyến công, khuyến nông, khoa học. Đồng thời thực hiện truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, xây dựng thương hiệu để đáp ứng đủ các yêu cầu của thị trường. Chú trọng xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Đẩy mạnh cơ giới hóa, tăng cường đầu tư dây chuyền công nghệ cao để đưa ra sản phẩm có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường, tập trung vào các lĩnh vực sau thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch, hạ tầng cơ sở, quản lý chất lượng nông sản sau chế biến... Việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản từng bước nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường thế giới.

6.8. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tình hình mới theo hình thức đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học, khuyến công, khuyến nông; phối hợp, hợp tác với các nhà khoa học, các Viện, Trường, các doanh nghiệp tổ chức các hội nghị, diễn đàn, hội thảo khoa học về công nghệ tạo điều kiện cho các cơ sở chế biến tiếp cận khoa học kỹ thuật mới áp dụng vào sản xuất phù hợp điều kiện thực tế của địa phương và phù hợp với xu hướng tất yếu của thị trường.

7. Quản lý chặt chẽ, có hiệu quả việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp

Đẩy mạnh thăm dò, đánh giá trữ lượng tài nguyên trên địa bàn tỉnh; xây dựng đề án, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản. Chỉ cho phép áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững. Thực hiện nghiêm chỉnh sách pháp luật về đất đai, tạo quỹ đất sạch tại các khu, cụm công nghiệp và các khu vực khác; tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi theo cơ chế thị trường, phù hợp với quy hoạch.

Thực hiện lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong tất cả các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển công nghiệp; khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường; quy định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất công nghiệp và xử lý nghiêm các vi phạm. Khuyến khích phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; huy động các nguồn vốn đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, xử lý chất thải nguy hại tại các khu, cụm công nghiệp.

8. Nâng cao năng lực lãnh đạo các cấp ủy Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy quyền làm chủ nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp quốc gia

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp ủy Đảng và chính quyền về vai trò và nội dung chính sách công nghiệp quốc gia trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xác định việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp quốc gia là một trong những nội dung lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cho từng sở, ngành, địa phương trong tỉnh.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp. Thực hiện việc rà soát, sắp xếp hệ thống quản lý công nghiệp từ tỉnh đến các huyện, thành phố đảm bảo tập trung, thông suốt, hiệu quả, có phân công, phân cấp rõ ràng; thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành với các huyện, đồng nhất trong triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, các đối tượng chịu tác động trong quá trình phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách phát triển công nghiệp, việc xây dựng và thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ đảng, chính quyền chỉ đạo tốt việc tuyên truyền, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của ngành, địa phương; đề cao trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình hành động.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh chú trọng, thường xuyên phổ biến Nghị quyết số 23-NQ/TW và các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước về phát triển công nghiệp quốc gia, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân, tích cực thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, giám sát, phản biện xã hội, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW và Chương trình này.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện Chương trình hành động. Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban xây dựng đảng Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lãnh đạo, chuyên viên Tổng hợp VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRƯC**



Thào Hồng Sơn